

PHỤ LỤC: 01

NHU CẦU BỔ SUNG THỰC HIỆN XÓA NHÀ TẠM, NHÀ DỘT NÁT HUYỆN ĐẮK GLEI

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glei)

| Stt       | Tên đơn vị hành chính | Tổng cộng    | Nhu cầu (hộ)         |                      | Phân loại đối tượng (hộ)    |          |                                                                                               |          |                                                                                                                                           |           | Tổng nhu cầu kinh phí (triệu đồng) | Kinh phí (triệu đồng)     |                            | Ghi chú   |
|-----------|-----------------------|--------------|----------------------|----------------------|-----------------------------|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|------------------------------------|---------------------------|----------------------------|-----------|
|           |                       |              | Xây mới              | Sửa chữa             | Người có công với cách mạng |          | Hộ nghèo, hộ cận nghèo không thuộc đối tượng thụ hưởng chính sách hỗ trợ nhà ở từ các CT MTQG |          | Các hộ dân còn lại (hộ mới chia tách thuộc hộ nghèo; hộ gia đình thuộc diện hộ nghèo nhưng chưa được công nhận; hộ DTTS khó khăn nhà ở... |           |                                    | Xây mới (60,0 triệu đồng) | Sửa chữa (30,0 triệu đồng) |           |
|           |                       |              |                      |                      |                             |          |                                                                                               |          |                                                                                                                                           |           |                                    |                           |                            |           |
| *         | <i>l</i>              | <i>2=3+4</i> | <i>3=5+7+1<br/>l</i> | <i>4=6+8+1<br/>2</i> | <i>5</i>                    | <i>6</i> | <i>7</i>                                                                                      | <i>8</i> | <i>11</i>                                                                                                                                 | <i>12</i> | <i>13=14+15</i>                    | <i>14=3*60</i>            | <i>15=4*30</i>             | <i>16</i> |
| 1         | Thị trấn Đắk Glei     | 12           | 2                    | 10                   |                             |          | 0                                                                                             | 3        | 2                                                                                                                                         | 7         | 420                                | 120                       | 300                        |           |
| 2         | Xã Đắk Môn            | 10           | 3                    | 7                    |                             |          | 0                                                                                             | 1        | 3                                                                                                                                         | 6         | 390                                | 180                       | 210                        |           |
| 3         | Xã Đắk Pék            | 6            | 6                    | 0                    |                             |          | 3                                                                                             |          | 3                                                                                                                                         |           | 360                                | 360                       | 0                          |           |
| 4         | Xã Đắk Man            | 4            | 4                    | 0                    |                             |          | 1                                                                                             | 0        | 3                                                                                                                                         | 0         | 240                                | 240                       | 0                          |           |
| 5         | Xã Đắk Choong         | 5            | 5                    | 0                    |                             |          | 3                                                                                             | 0        | 2                                                                                                                                         | 0         | 300                                | 300                       | 0                          |           |
| 6         | Xã Ngọc Linh          | 19           | 19                   | 0                    |                             |          | 19                                                                                            | 0        |                                                                                                                                           |           | 1.140                              | 1.140                     | 0                          |           |
| 7         | Xã Mường Hoong        | 10           | 10                   | 0                    |                             |          |                                                                                               |          | 10                                                                                                                                        | 0         | 600                                | 600                       | 0                          |           |
| 8         | Xã Đắk Long           | 4            | 3                    | 1                    |                             |          | 3                                                                                             | 1        |                                                                                                                                           |           | 210                                | 180                       | 30                         |           |
| Tổng cộng |                       | 70           | 52                   | 18                   | 0                           | 0        | 29                                                                                            | 5        | 23                                                                                                                                        | 13        | 3.660                              | 3.120                     | 540                        |           |

**PHỤ LỤC: 02**  
**DANH SÁCH BỔ SUNG HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO KHÔNG THUỘC CÁC CHƯƠNG TRÌNH MTQG VỀ NHÀ Ở KHÓ KHĂN VỀ NHÀ Ở**  
*(Kèm theo Quyết định số:       /QĐ-UBND ngày        tháng        năm 2025 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glei)*

| Stt        | Thực trạng chung của đối tượng |          |              |            |                   |          |              |                                                           | Nhu cầu   |          | Kinh phí<br>(triệu đồng) |           | Ghi chú |
|------------|--------------------------------|----------|--------------|------------|-------------------|----------|--------------|-----------------------------------------------------------|-----------|----------|--------------------------|-----------|---------|
|            | Họ và tên chủ hộ               | Năm sinh | Số nhân khẩu | Tên thôn   | Tên xã/thị trấn   | Hộ nghèo | Hộ cận nghèo | Hiện trạng nhà ở<br>khi rà soát                           | Xây mới   | Sửa chữa | Xây mới                  | Sửa chữa  |         |
| <b>I</b>   | <b>THỊ TRẤN ĐẮK GLEI</b>       |          |              |            |                   |          |              |                                                           | <b>0</b>  | <b>3</b> | <b>0</b>                 | <b>90</b> |         |
| 1          | Y Trinh                        | 1987     | 6            | Đắk Dung   | Thị trấn Đắk Glei | x        |              | Diện tích nhỏ<br>không đảm bảo sử<br>dụng                 |           | x        |                          | 30        |         |
| 2          | A Trong                        | 1995     | 4            | Chung Năng | Thị trấn Đắk Glei | x        |              | Diện tích nhỏ, Nhà<br>ở chưa đảm bảo 2<br>cứng            |           | x        |                          | 30        |         |
| 3          | Y Dế                           | 1969     | 4            | Chung Năng | Thị trấn Đắk Glei |          | x            | Nhà tạm bằng<br>tranh, tre nửa                            |           | x        |                          | 30        |         |
| <b>II</b>  | <b>XÃ ĐẮK MÔN</b>              |          |              |            |                   |          |              |                                                           | <b>0</b>  | <b>1</b> |                          | <b>30</b> |         |
| 1          | A So                           | 1982     |              | Broong Mệt | Đắk Môn           |          | x            | Nhà không đảm<br>bảo 2 cứng                               |           | x        |                          | 30        |         |
| <b>III</b> | <b>XÃ ĐẮK PÉK</b>              |          |              |            |                   |          |              |                                                           | <b>3</b>  | <b>0</b> | <b>180</b>               | <b>0</b>  |         |
| 1          | Y Khai                         | 1988     | 3            | Đắk Rang   | xã Đắk Pék        | x        |              | Tường vách nửa,<br>mái tôn đột nát, nền<br>xi măng        | x         |          | 60                       |           |         |
| 2          | A Nhiệp                        | 1988     | 5            | 14B        | xã Đắk Pék        | x        |              | Tường vách gỗ mục<br>nát, mái tôn đột nát,<br>nền xi măng | x         |          | 60                       |           |         |
| 3          | Y Hiên                         | 1997     | 5            | 14B        | xã Đắk Pék        |          | x            | Nhà không đủ diện<br>tích, hư hỏng xuống<br>cấp           | x         |          | 60                       |           |         |
| <b>IV</b>  | <b>XÃ ĐẮK MAN</b>              |          |              |            |                   |          |              |                                                           | <b>1</b>  | <b>0</b> | <b>60</b>                |           |         |
| 1          | A Văn                          | 1995     | 4            | Đồng Lốc   | Đắk Man           | x        |              | Diện tích nhỏ, Nhà<br>ở chưa đảm bảo 2<br>cứng            | x         |          | 60                       |           |         |
| <b>V</b>   | <b>XÃ ĐẮK CHOONG</b>           |          |              |            |                   |          |              |                                                           | <b>3</b>  | <b>0</b> | <b>180</b>               | <b>0</b>  |         |
| 1          | Y Đơn                          | 1988     | 2            | Mô Mam     | xã Đắk Choong     | x        |              | Nhà ở chưa đảm<br>bảo 2 cứng                              | x         |          | 60                       |           |         |
| 2          | A Bao                          | 1998     | 4            | Đắk Bla    | xã Đắk Choong     | x        |              | Nhà ở chưa đảm<br>bảo 2 cứng                              | x         |          | 60                       |           |         |
| 3          | A Đun                          | 1988     | 4            | Mô Mam     | xã Đắk Choong     |          | x            | Nhà ở chưa đảm<br>bảo 2 cứng                              | x         |          | 60                       |           |         |
| <b>VI</b>  | <b>XÃ NGỌC LINH</b>            |          |              |            |                   |          |              |                                                           | <b>19</b> | <b>0</b> | <b>1.140</b>             | <b>0</b>  |         |

| Stt | Thực trạng chung của đối tượng |          |              |                |                 |          |              |                                                           | Nhu cầu |          | Kinh phí<br>(triệu đồng) |          | Ghi chú |
|-----|--------------------------------|----------|--------------|----------------|-----------------|----------|--------------|-----------------------------------------------------------|---------|----------|--------------------------|----------|---------|
|     | Họ và tên chủ hộ               | Năm sinh | Số nhân khẩu | Tên thôn       | Tên xã/thị trấn | Hộ nghèo | Hộ cận nghèo | Hiện trạng nhà ở<br>khi rà soát                           | Xây mới | Sửa chữa | Xây mới                  | Sửa chữa |         |
| 1   | A Vĩa                          | 1935     | 2            | Thôn Tu Dốp    | Ngọc Linh       | x        |              | nền đất, sàn lô ô;<br>diện tích nhà nhỏ<br>không đảm bảo. | x       |          | 60                       |          |         |
| 2   | Y Vê                           | 1975     | 11           | Thôn Tu Dốp    | Ngọc Linh       | x        |              | Nhà không đảm bảo<br>2 cứng, diện tích<br>nhà nhỏ         | x       |          | 60                       |          |         |
| 3   | A Bu                           | 1957     | 3            | Thôn Ngọc Súc  | Ngọc Linh       | x        |              | nền đất, sàn lô ô;<br>diện tích nhà nhỏ<br>không đảm bảo. | x       |          | 60                       |          |         |
| 4   | A Bói                          | 1949     | 2            | Thôn Ngọc Súc  | Ngọc Linh       | x        |              | Nhà không đảm bảo<br>2 cứng, diện tích<br>nhà nhỏ         | x       |          | 60                       |          |         |
| 5   | Y Mau                          | 1978     | 2            | Thôn Sa Múc    | Ngọc Linh       | x        |              | nền đất, sàn lô ô;<br>diện tích nhà nhỏ<br>không đảm bảo. | x       |          | 60                       |          |         |
| 6   | A Bôn                          | 1974     | 7            | Thôn Sa Múc    | Ngọc Linh       | x        |              | Nhà không đảm bảo<br>2 cứng, diện tích<br>nhà nhỏ         | x       |          | 60                       |          |         |
| 7   | A Búi                          | 1963     | 2            | Thôn Kung Rang | Ngọc Linh       | x        |              | nền đất, sàn lô ô;<br>diện tích nhà nhỏ<br>không đảm bảo. | x       |          | 60                       |          |         |
| 8   | Y Mác                          | 1986     | 5            | Thôn Kung Rang | Ngọc Linh       | x        |              | Nhà không đảm bảo<br>2 cứng, diện tích<br>nhà nhỏ         | x       |          | 60                       |          |         |
| 9   | A Kửa                          | 1930     | 3            | Thôn Đăk Nai   | Ngọc Linh       | x        |              | nền đất, sàn lô ô;<br>diện tích nhà nhỏ<br>không đảm bảo. | x       |          | 60                       |          |         |
| 10  | A Vinh                         | 1998     | 4            | Thôn Đăk Sun   | Ngọc Linh       | x        |              | Nhà không đảm bảo<br>2 cứng, diện tích<br>nhà nhỏ         | x       |          | 60                       |          |         |
| 11  | A Bá                           | 1974     | 4            | Thôn Long Năng | Ngọc Linh       | x        |              | Nhà không đảm bảo<br>2 cứng, diện tích<br>nhà nhỏ         | x       |          | 60                       |          |         |
| 12  | A Bông                         | 1958     |              | Thôn Tân Rát   | Ngọc Linh       | x        |              | nền đất, sàn lô ô;<br>diện tích nhà nhỏ<br>không đảm bảo. | x       |          | 60                       |          |         |
| 13  | A Hùng                         | 1965     | 2            | Thôn Tân Rát   | Ngọc Linh       | x        |              | Nhà không đảm bảo<br>2 cứng, diện tích<br>nhà nhỏ         | x       |          | 60                       |          |         |

| Stt | Thực trạng chung của đối tượng |          |              |                |                 |          |              |                                                                                               | Nhu cầu |          | Kinh phí<br>(triệu đồng) |          | Ghi chú |
|-----|--------------------------------|----------|--------------|----------------|-----------------|----------|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|---------|----------|--------------------------|----------|---------|
|     | Họ và tên chủ hộ               | Năm sinh | Số nhân khẩu | Tên thôn       | Tên xã/thị trấn | Hộ nghèo | Hộ cận nghèo | Hiện trạng nhà ở<br>khi rà soát                                                               | Xây mới | Sửa chữa | Xây mới                  | Sửa chữa |         |
| 14  | A Mới                          | 1955     | 2            | Thôn Tân Rát   | Ngọc Linh       | x        |              | nền đất, sàn lô ô;<br>diện tích nhà nhỏ<br>không đảm bảo.                                     | x       |          | 60                       |          |         |
| 15  | A Vợ                           | 1951     | 1            | Thôn Kon Tuông | Ngọc Linh       | x        |              | Nhà không đảm bảo<br>2 cứng, diện tích<br>nhà nhỏ                                             | x       |          | 60                       |          |         |
| 16  | Y Vẽ                           | 1944     | 1            | Thôn Kon Tuông | Ngọc Linh       | x        |              | nền đất, sàn lô ô;<br>diện tích nhà nhỏ<br>không đảm bảo.                                     | x       |          | 60                       |          |         |
| 17  | A Ngăm                         | 1980     | 7            | Thôn Lê Toan   | Ngọc Linh       | x        |              | Nhà không đảm bảo<br>2 cứng, diện tích<br>nhà nhỏ                                             | x       |          | 60                       |          |         |
| 18  | Y Tua                          | 1981     | 3            | Thôn Lê Ngọc   | Ngọc Linh       | x        |              | nền đất, sàn lô ô;<br>diện tích nhà nhỏ<br>không đảm bảo.                                     | x       |          | 60                       |          |         |
| 19  | Y Góm                          | 1953     | 1            | Thôn Kon Tua   | Ngọc Linh       |          | x            | Nhà không đảm bảo<br>2 cứng. Hộ đơn<br>thân, không có khả<br>năng để sửa chữa<br>hoặc làm mới | x       |          | 60                       |          |         |

**PHỤ LỤC: 03**  
**DANH SÁCH BỔ SUNG ĐỐI TƯỢNG KHÁC (HỘ DTTS, HỘ MỚI TÁCH TỪ HỘ NGHÈO, HỘ NGHÈO CHƯA ĐƯỢC CÔNG NHẬN....)**  
**KHÓ KHĂN VỀ NHÀ Ở**

(Kèm theo Quyết định số:       /QĐ-UBND ngày        tháng        năm 2025 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glei)

| Stt | Thực trạng chung của đối tượng |          |              |            |                   |                                          |                                                                 | Nhu cầu |          | Kinh phí<br>(triệu đồng) |          | Ghi chú |
|-----|--------------------------------|----------|--------------|------------|-------------------|------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|---------|----------|--------------------------|----------|---------|
|     | Họ và tên chủ hộ               | Năm sinh | Số nhân khẩu | Tên thôn   | Tên xã/thị trấn   | Thuộc nhóm đối tượng khác khó khăn nhà ở | Hiện trạng nhà ở khi rà soát                                    | Xây mới | Sửa chữa | Xây mới                  | Sửa chữa |         |
| I   | THỊ TRẦN ĐẮK GLEI              |          |              |            |                   |                                          |                                                                 | 2       | 7        | 120                      | 210      |         |
| 1   | Y Na Gin                       | 1992     | 5            | Long Nang  | Thị trấn Đắk Glei | DTTS, khó khăn nhà ở                     | Tường bằng ván đã mục nát, mái tôn han rỉ; diện tích nhà ở 25m2 | x       |          | 60                       |          |         |
| 2   | Y Nĩa                          | 1974     | 3            | Long Nang  | Thị trấn Đắk Glei | DTTS, khó khăn nhà ở                     | Tường bằng ván đã mục nát, diện tích nhà ở 20m2                 |         | x        |                          | 30       |         |
| 3   | A La Tùng                      | 1989     | 4            | Chung Năng | Thị trấn Đắk Glei | DTTS, khó khăn nhà ở                     | Tường bằng ván đã mục nát, diện tích nhà ở 25m2                 |         | x        |                          | 30       |         |
| 4   | A Như Ý                        | 2000     | 3            | Chung Năng | Thị trấn Đắk Glei | DTTS, khó khăn nhà ở                     | Tường bằng tôn đã mục nát, diện tích nhà ở 26m2                 |         | x        |                          | 30       |         |
| 5   | A Nờ                           | 1987     | 4            | Đắk Tung   | Thị trấn Đắk Glei | DTTS, khó khăn nhà ở                     | Tường bằng ván đã mục nát, diện tích nhà ở 20m2                 |         | x        |                          | 30       |         |
| 6   | Y Duôi                         | 1946     | 1            | Đắk Tung   | Thị trấn Đắk Glei | DTTS, khó khăn nhà ở                     | Nhà mục bằng ván đã mục nát                                     |         | x        |                          | 30       |         |
| 7   | A Chê                          | 1970     | 5            | Đắk Poi    | Thị trấn Đắk Glei | DTTS, khó khăn nhà ở                     | Mái tôn han rỉ; nền nhà bong tróc; diện tích 30m2               |         | x        |                          | 30       |         |
| 8   | Rơ Chăm Hùng                   | 1985     | 5            | Đắk Poi    | Thị trấn Đắk Glei | DTTS, khó khăn nhà ở                     | Mái tôn han rỉ; nền nhà bong tróc; diện tích 30m2               |         | x        |                          | 30       |         |
| 9   | Y Thế                          | 1949     | 5            | Đông Sông  | Thị trấn Đắk Glei | DTTS, khó khăn nhà ở                     | Đã xuống cấp; diện tích 20m3                                    | x       |          | 60                       |          |         |
| II  | XÃ ĐẮK MÔN                     |          |              |            |                   |                                          |                                                                 | 3       | 6        | 180                      | 180      |         |
| 1   | A Dớt                          | 1957     | 2            | Ri Mệt     | Đắk Môn           | DTTS, khó khăn nhà ở                     | Nhà hư hỏng, không đảm bảo 2 cứng                               |         | x        |                          | 30       |         |

| Stt        | Thực trạng chung của đối tượng |          |              |               |                 |                                          |                                                            | Nhu cầu  |          | Kinh phí<br>(triệu đồng) |          | Ghi chú |
|------------|--------------------------------|----------|--------------|---------------|-----------------|------------------------------------------|------------------------------------------------------------|----------|----------|--------------------------|----------|---------|
|            | Họ và tên chủ hộ               | Năm sinh | Số nhân khẩu | Tên thôn      | Tên xã/thị trấn | Thuộc nhóm đối tượng khác khó khăn nhà ở | Hiện trạng nhà ở khi rà soát                               | Xây mới  | Sửa chữa | Xây mới                  | Sửa chữa |         |
| 2          | A Em                           | 1960     | 3            | Ri Mẹt        | Đăk Môn         | DTTS, khó khăn nhà ở                     | Nhà hư hỏng, không đảm bảo 2 cứng                          | x        |          | 60                       |          |         |
| 3          | A Vươn                         | 1994     | 4            | Đăk Xam       | Đăk Môn         | DTTS, khó khăn nhà ở                     | Nhà hư hỏng, không đảm bảo 2 cứng                          |          | x        |                          | 30       |         |
| 4          | A Nhị                          | 1976     | 3            | Lanh Tôn      | Đăk Môn         | DTTS, khó khăn nhà ở                     | Nhà hư hỏng, không đảm bảo 2 cứng                          |          | x        |                          | 30       |         |
| 5          | Y Hoi                          | 1974     | 1            | Lanh Tôn      | Đăk Môn         | DTTS, khó khăn nhà ở                     | Nhà hư hỏng, không đảm bảo 2 cứng                          |          | x        |                          | 30       |         |
| 6          | Y Xuân                         | 1954     | 1            | Kon Boong     | Đăk Môn         | DTTS, khó khăn nhà ở                     | Nhà hư hỏng, không đảm bảo 2 cứng                          |          | x        |                          | 30       |         |
| 7          | Y Thoát                        | 1984     | 7            | Đăk Nai       | Đăk Môn         | DTTS, khó khăn nhà ở                     | Nhà hư hỏng, không đảm bảo 2 cứng                          | x        |          | 60                       |          |         |
| 8          | A Triêm                        | 1999     | 5            | Đăk Nai       | Đăk Môn         | DTTS, khó khăn nhà ở                     | Nhà hư hỏng, không đảm bảo 2 cứng                          |          | x        |                          | 30       |         |
| 9          | Y Tíu                          | 1992     | 3            | Broong Mỹ     | Đăk Môn         | DTTS, khó khăn nhà ở                     | Nhà hư hỏng, không đảm bảo 2 cứng                          | x        |          | 60                       |          |         |
| <b>III</b> | <b>XÃ ĐĂK PÉK</b>              |          |              |               |                 |                                          |                                                            | <b>3</b> | <b>0</b> | <b>180</b>               | <b>-</b> |         |
| 1          | A Lương                        | 1985     | 5            | Đăk Ven       | xã Đăk Pék      | DTTS, khó khăn nhà ở                     | Tường gỗ tạm, mái tôn cũ lâu năm; nền xi măng              | x        |          | 60                       |          |         |
| 2          | A Tín                          | 1985     | 6            | Đăk Rang      | xã Đăk Pék      | DTTS, khó khăn nhà ở                     | Tường gỗ tạm, mái tôn cũ lâu năm; nền xi măng              | x        |          | 60                       |          |         |
| 3          | A Mỹ                           | 1995     | 6            | Pêng Sal Pêng | xã Đăk Pék      | DTTS, khó khăn nhà ở                     | Diện tích nhỏ, tường thưng tôn cũ, mái tôn cũ, nền xi măng | x        |          | 60                       |          |         |
| <b>IV</b>  | <b>XÃ ĐĂK MAN</b>              |          |              |               |                 |                                          |                                                            | <b>3</b> | <b>0</b> | <b>180</b>               | <b>-</b> |         |
| 1          | A Ngui                         | 1977     | 4            | Đông Nay      | Đăk Man         | DTTS, khó khăn nhà ở                     | Nhà ở chưa đảm bảo 2 cứng                                  | x        |          | 60                       |          |         |
| 2          | A Phác                         | 1983     | 4            | Đông Nay      | Đăk Man         | DTTS, khó khăn nhà ở                     | Nhà ở chưa đảm bảo 2 cứng                                  | x        |          | 60                       |          |         |

| Stt      | Thực trạng chung của đối tượng |          |              |           |                 |                                          |                              | Nhu cầu  |          | Kinh phí<br>(triệu đồng) |          | Ghi chú |
|----------|--------------------------------|----------|--------------|-----------|-----------------|------------------------------------------|------------------------------|----------|----------|--------------------------|----------|---------|
|          | Họ và tên chủ hộ               | Năm sinh | Số nhân khẩu | Tên thôn  | Tên xã/thị trấn | Thuộc nhóm đối tượng khác khó khăn nhà ở | Hiện trạng nhà ở khi rà soát | Xây mới  | Sửa chữa | Xây mới                  | Sửa chữa |         |
| 3        | A Nhốt                         | 1979     | 5            | Mãng Khên | Đăk Man         | DTTS, khó khăn nhà ở                     | Nhà ở chưa đảm bảo 2 cứng    | x        |          | 60                       |          |         |
| <b>V</b> | <b>ĐẮK CHOONG</b>              |          |              |           |                 |                                          |                              | <b>2</b> | <b>0</b> | <b>120</b>               | <b>-</b> |         |
| 1        | A Nheo                         | 1970     | 4            | Kon Riêng | Đăk Choong      | DTTS, khó khăn nhà ở                     | Nhà tạm bằng tre nửa         | x        |          | 60                       |          |         |
| 2        | A Đan                          | 1990     | 4            | La Lua    | Đăk Choong      | DTTS, khó khăn nhà ở                     | Nhà ở chưa đảm bảo 2 cứng    | x        |          | 60                       |          |         |